

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2023/DS-ST**
Ngày: 14 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-DS ngày 17/02/2023. Về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47 ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Đức T, sinh năm 1947 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Đức L, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Nơi ĐKKH: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 131/14 Tân Phú 1, phường T, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Bà Lê Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2023, bản tự khai ngày 10/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày:

Ông và bà Trịnh Thị Hòa, sinh năm 1949 xây dựng gia đình với nhau từ năm 1976, quá trình sinh sống ông và bà Hoà sinh được 02 người con là Lê Đức L, sinh

năm 1978 và Lê Thị T, sinh năm 1979. Quá trình chung sống ông và bà Hòa tạo lập được khối tài sản chung bao gồm 01 ngôi nhà ngói 03 gian và 826m² đất ở. Trong đó có 202,5m² nằm trong hành lang đô, tại tờ bản đồ số 11, thửa số 66, vị trí ở thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, đất được UBND huyện Yên Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH093296 ngày 01/11/2011. Hiện tại ngôi nhà đã bị mưa bão làm đổ không còn gì.

Năm 2016 vợ ông là bà Trịnh Thị Hòa chết không để lại di chúc. Bố bà Hòa là ông Trịnh Hữu Thâu chết năm 2010, mẹ bà Hoà là bà Phạm Thị Khang chết năm 2006. Ngôi nhà và diện tích đất trên ông đang ở chưa chia thừa kế cho ai. Bản thân ông già yếu, bệnh tật quanh năm, con trai ông là Lê Đức L cùng con dâu đi làm ăn xa tận Bình Dương, con gái Lê Thị T lấy chồng xa, còn mình ông ở nhà không có ai chăm sóc. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có thu nhập thường xuyên nên ông muốn bán đi một phần đất của ông để lấy tiền sửa nhà và chữa bệnh. Đồng thời chia cho con gái ông một phần thừa kế của nó, nhưng con trai ông là Lê Đức L không chịu mà muốn đứng tên cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Để thuận tiện quản lý tài sản và ổn định cuộc sống, ông làm đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Định chia thừa kế theo pháp luật số tài sản mà vợ chồng ông tạo dựng để lại bao gồm: 826m² đất ở, trong đó có 202,5m² nằm trong hành lang đô, tại tờ bản đồ số 11, thửa số 66, vị trí ở thôn T xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Đất đã được UBND huyện Yên Định cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BH 093296 ngày 01/11/2011.

- Tại bản tự khai ngày 20/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T trình bày:

Bà là con của ông Lê Đức T và bà Trịnh Thị Hòa. Bố mẹ bà sinh được hai người con gồm ông Lê Đức L và bà là Lê Thị T. Quá trình chung sống bố, mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung bao gồm 01 ngôi nhà ngói 03 gian và 826m² đất ở, trong đó có 202,5m² nằm trong hành lang đô, tại tờ bản đồ số 11, thửa số 66, vị trí ở thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, được UBND huyện Yên Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH093296 ngày 01/11/2011. Hiện tại ngôi nhà không còn do mưa bão đã làm đổ nát.

Năm 2016 mẹ bà là Trịnh Thị Hoà mất, không để lại di chúc. Toàn bộ tài sản hiện nay ông Lê Đức T đang quản lý, nhưng vì tuổi cao, sức yếu, quanh năm ốm yếu, bệnh tật không có thu nhập thường xuyên. Vì vậy, ông Lê Đức T muốn bán một phần đất để chi phí tuổi già, đồng thời chia phần cho các con, nhưng hiện nay anh trai bà là ông Lê Đức L không chịu. Vì vậy, bố bà phải làm đơn đề nghị Toà án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà là con nên có quyền lợi được hưởng

di sản thừa kế của bà Hoà để lại theo quy định của pháp luật. Bà mong Tòa án xét giải quyết cho bà được hưởng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Đức L đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải nhưng ông Lợi cố tình không đến. Vì vậy không có lời khai của ông Lợi trong hồ sơ vụ án.

- *Quá trình xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với các tài sản thể hiện như sau:*

+ Về đất:

Thẩm định lần thứ nhất: Ông T, bà T1 cùng chỉ mốc giới, vắng mặt gia đình ông Hanh (hộ liên kê) thể hiện:

- Cạnh phía Nam giáp đường đê sông Cầu Chày từ phía nhà bà Cạnh đến phần đất giáp gia đình ông Hanh, trong Giấy CNQSD Đất dài 40,5m. Thực tế đo được dài 36,25m. So với Giấy CNQSD Đất thiếu 4,25m.

- Cạnh phía Bắc giáp ruộng lúa, từ mốc giáp nhà bà Cạnh kéo về phía Tây giáp đất nhà ông Hanh, trong Giấy CNQSD Đất dài 39m. Thực tế đo được dài 35,62m. So với Giấy CNQSD Đất thiếu 3,38m.

- Cạnh phía Tây giáp nhà ông Hanh dài 20m.(đủ)

- Cạnh phía Đông giáp nhà bà Cạnh dài 21,5m.(đủ)

Diện tích đo theo hiện trạng là: 745,651m². Diện tích theo Giấy CNQSD Đất là 826m², thiếu 80,349 m².

Thẩm định lần thứ hai: Ông T, bà T1 cùng ông Hanh thống nhất xác định mốc giới đất của hai nhà, thể hiện:

- Cạnh phía Nam giáp đường đê sông Cầu Chày từ phía nhà bà Cạnh đến phần đất giáp gia đình ông Hanh, trong Giấy CNQSD Đất dài 40,5m. Thực tế đo được dài 36,75m, tăng 0,50m so với lần thẩm định thứ nhất. So với Giấy CNQSD Đất thiếu 3,75m.

- Cạnh phía Bắc giáp ruộng lúa, từ mốc cạnh nhà bà Cạnh kéo về phía Tây giáp đất nhà ông Hanh, trong Giấy CNQSD Đất dài 39m. Thực tế đo được dài 36,12m, tăng 0,50m so với lần thẩm định thứ nhất. So với Giấy CNQSD Đất thiếu 2,88m.

- Cạnh phía Tây giáp nhà ông Hanh dài 20m.(đủ)

- Cạnh phía Đông giáp nhà bà Cạnh dài 21,5m.(đủ)

Diện tích đo theo hiện trạng đang sử dụng là: 756,026m². Diện tích theo Giấy CNQSD Đất là 826m², thiếu 69,974 m².

+ Về tài sản trên đất:

- Theo đơn của ông T trình bày di sản trước khi bà Hòa chết có 01 ngôi nhà 03 gian ông T ở. Tuy nhiên do mưa bão đã sụp đổ nát, đến thời điểm thẩm định không còn gì.

- Hiện trên phần đất giáp nhà bà Cạnh, ông T đã xây 01 nhà cấp 04 lợp tôn, có diện tích chiều dài hết đất, chiều rộng 5,55m.

Trên đất có 01 cây nhãn, 01 cây vải còn nhỏ do ông T mới trồng.

Định giá tài sản: Tại biên bản định giá tài sản ngày 07/4/2023, Hội đồng định giá đã định giá diện tích đất như sau: Nếu theo đơn giá nhà nước 390.000đ/1m². Giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương là 3.000.000đ/1m². Hội Đồng định giá định giá theo đơn giá thực tế chuyển nhượng thực tế tại địa phương.

Đối với số liệu thẩm định lần 1 là $745,651\text{m}^2 \times 3.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 2.236.953.000\text{đồng}$.

Đối với số liệu thẩm định lần 2 là $756,026\text{m}^2 \times 3.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 2.268.078.000\text{đồng}$. Tổng giá trị tài sản của ông T và bà Hòa là 2.268.078.000đồng.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Lê Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị HĐXX chia thừa kế di sản thừa kế của bà Trịnh Thị Hoà là thừa đất số 66, tờ bản đồ số 11 cấp ngày 01/11/2011, theo quy định của pháp luật. Ông chấp nhận số liệu thực tế đất còn lại 756,026m² để chia. Đối với ngôi nhà cấp bốn 03 gian sụp đổ nát không còn, nên ông T không yêu cầu chia các tài sản này. Về chia đất ông đề nghị chia cho ông lấy hai phần. Một phần đất giáp nhà bà Cạnh ông đã xây nhà để ở và một phần đất có chiều dài mặt đường là 12m giáp với nhà ông Hanh. Lý do ông muốn chia đất của ông hai phần không liền thửa là phần đất giáp nhà ông Hanh ông đã hứa bán cho người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của bà Hoà, theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế bà được hưởng bà xin được nhận giá trị bằng đất, bà thống nhất phương án chia của ông T.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về Tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa, HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Đức L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đức T.

Chia di sản thừa kế của bà Trịnh Thị Hòa là 378,03m² đất ở, giá trị 1.134.090.000đ. Cụ thể: Các thừa kế được hưởng di sản thừa kế theo hiện vật cụ thể như sau:

Phần đất của ông T: Ông T được hưởng di sản thừa kế của bà Hòa là 126,01m² và phần đất của ông T trong khối tài sản chung vợ chồng được chia đôi có diện tích là 378,03m². Như vậy tổng diện tích đất của ông T là 504,04m², với các tứ cạnh như sau: Phía Nam giáp đường đê sông Cầu Chày dài 24,15m; Phía Bắc giáp ruộng lúa dài 23,52m; Phía Đông giáp nhà bà Cạnh dài 21,5m; Phía Tây giáp nhà bà T1 dài 20,5m.

Phần đất nhà bà T1: Phía Bắc giáp ruộng lúa rộng 6,3m; Phía Nam giáp mặt đường đê rộng 6,3m; Phía Đông giáp đất chia cho ông T dài 20,5m; Phía Tây giáp đất định chia cho ông Lợi dài 20,25 m. Tổng diện tích là 126,01m².

Phần đất của ông Lợi: Phía Bắc giáp ruộng lúa rộng 6,3m; Phía Nam giáp mặt đường đê rộng 6,3m; Phía Đông giáp đất chia cho bà T1 dài 20,25m; Phía Tây giáp đất nhà ông Hanh dài 20 m. Tổng diện tích là 126,01m², tương đương trị giá 378.030.000đ.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Lê Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lợi.

1.3 Về xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông T và bà T1 yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

Thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Trịnh Thị Hòa: Bà Hòa chết ngày 25/7/2016. Ngày 09/02/2023, ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Hòa, vẫn còn trong thời hạn 30 năm, nên còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

2.1. Về xác định người được hưởng thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất ông T và bà Hòa có 02 người con chung, không có con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ bà Hòa chết trước khi bà Hòa chết. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định người thừa kế di sản của bà Hòa gồm 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm: Ông Lê Đức T, Lê Đức L và bà Lê Thi Thu.

2.2. Về xác định di sản thừa kế:

Lúc bà Hòa đang sống ông T và bà Hòa tạo lập 01 ngôi nhà ngói 03 gian và 826m² đất ở tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Đất đã được UBND huyện Yên Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng ngôi nhà cấp bốn 03 gian sập đổ nát nên xác định không để phân chia.

Đối với diện tích đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 826m². Cạnh phía Bắc dài 39m; Cạnh phía Nam dài 40,5m; Cạnh phía Tây giáp nhà ông Hanh dài 20m; Cạnh phía Đông giáp nhà bà Cạnh dài 21,5m.

Theo số liệu thực tế đo đạc: Cạnh phía Bắc dài 36,12m, thiếu 2,28m. Cạnh phía Nam dài 36,75m thiếu 3,75m. Cạnh phía Đông và Tây đủ đất. Tổng diện tích là 756,026m², thiếu 69,974 m² so với Giấy CNQSD Đất, ông T và bà T1 thống nhất số liệu này.

Lý giải việc thiếu so với Giấy CNQSD Đất theo Văn phòng đăng ký đất đai là do trước đây việc đo đạc không chính xác.

Như vậy xác định tài sản chung của ông T và bà Hòa tạo lập trong thời kỳ sống chung đến khi bà Hòa mất là 756,026m² đất ở. Phân chia tài sản chung mỗi bên là 378.013 m² đất ở. Như vậy di sản của bà Hòa để lại là 378.013m m² đất ở, trị giá 1.134.039.000đ.

2.3. Phân chia di sản thừa kế của bà Hòa:

- Về trích công sức bảo quản di sản thừa kế: Ông T không yêu cầu trích công sức bảo quản di sản thừa kế bởi bà Hòa mới chết năm 2016. Do vậy, HĐXX không xem xét.

- Về chia kỹ phần thừa kế: Bà Hòa chết không để lại di chúc, do đó di sản thừa kế của bà Hòa để lại là 378.013 m² được chia theo pháp luật. Người được hưởng di sản gồm ông T, ông Lợi và bà T1 mỗi người được hưởng 1/3 di sản. Cụ thể: $378.013 \text{ m}^2 / 3 \text{ người} = 126 \text{ m}^2 \times 3.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 378.000.000\text{đ}$. Như vậy mỗi người được hưởng 126 m² đất ở, trị giá 378.000.000đ.

- Về phương án chia đất thực tế:

Tại phiên tòa ông T đề nghị chia đất cho ông thành hai phần. Một phần đất giáp nhà bà Cạnh ông đã xây nhà để ở và một phần đất có chiều dài mặt đường là 12m giáp với nhà ông Hanh. Lý do ông muốn lấy phần đất giáp nhà ông Hanh là vì diện tích đó ông đã hứa bán cho người khác để lấy tiền xây nhà.

Căn cứ yêu cầu của ông T HĐXX xét thấy vị trí chia đất giáp nhà ông Hanh cho ông T chủ yếu là phần ao, phần đất chia cho bà T1 ông Lợi là đất trước đây đã làm nhà. Cách phân chia trên thực tế của ông T vẫn đảm bảo được quyền lợi của các bên nên được chấp nhận để chia.

Phần đất của ông T được chia như sau: Vị trí 1: Cạnh phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày, tính từ mốc giáp nhà bà Cạnh đến phần đất dự kiến chia cho bà T1 là 12,4 m; Cạnh phía Bắc giáp ruộng lúa, tính từ mốc giáp nhà bà Cạnh đến phần đất dự kiến chia cho bà T1 là 11,78m; Cạnh phía Đông giáp nhà bà Cạnh dài 21,5m; Cạnh phía Tây giáp đất dự kiến chia cho bà T1 dài 21,0 m. Diện tích là 264.030 m². Vị trí 2: Cạnh phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày, tính từ mốc giáp đất chia cho ông Lợi đến giáp đất nhà ông Hanh là 12m; Cạnh phía Bắc giáp ruộng lúa, tính từ mốc giáp đất chia cho ông Lợi đến giáp đất nhà ông Hanh là 12m; Cạnh phía Đông giáp đất chia cho ông Lợi 20,0m; Cạnh phía Tây giáp đất nhà ông Hanh dài 20,0 m. Diện tích là 240m². Tổng diện tích của ông T là 504,013m²

Phần đất của bà T1: Phía Bắc giáp ruộng lúa rộng 6,10m; Phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày rộng 6,10m; Phía Đông giáp đất chia cho ông T dài 21,0m; Phía Tây giáp đất chia cho ông Lợi dài 20,5m. Tổng diện tích là 126m².

Phần đất của ông Lợi: Phía Bắc giáp ruộng lúa rộng 6,24m; Phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày rộng 6,24m; Phía Đông giáp đất chia cho bà T1 dài 20,5m; Phía Tây giáp đất dự kiến chia cho ông T dài 20,0m. Tổng diện tích là 126m².

[9] Về chi phí thẩm định, định giá: Bà T1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá. Sau khi thẩm định hai lần và định giá chi phí hết 8.000.000đ. Bà T1 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định và định giá, không yêu cầu ông T, ông Lợi phải chịu. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí:

Ông T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại, điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà T1 và ông Lợi được hưởng di sản thừa kế nên phải chịu án phí giá ngạch với tỷ phần mình được hưởng là $378.000.000đ. \times 5\% = 18.900.000đ.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 165, điểm b, khoản 2 Điều 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Lê Đức T.
2. Xác nhận bà Trịnh Thị Hòa chết ngày 17/6/2016 không để lại di chúc nên di sản được phân chia theo pháp luật.
3. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của bà Hòa gồm 03 người là: Ông Lê Đức T, ông Lê Đức L và bà Lê Thị T.
4. Xác nhận tài sản chung của ông T và bà Hòa tạo lập là 756,026m² đất ở. Mỗi người được 378.013 m² đất ở.
5. Xác nhận di sản thừa kế của bà Hòa là ½ thừa đất số 66, tờ bản đồ số 11, tại thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, diện tích là 378.013 m² đất ở, có giá trị là 1.134.039.000đ (*Một tỷ, một trăm ba mươi tư triệu, không trăm ba chín nghìn đồng.*).

6. Chia thừa kế di sản của bà Trịnh Thị Hòa theo pháp luật, như sau:

Chia di sản thừa kế của bà Hòa cho 03 người thừa kế gồm: Ông T, ông Lợi, bà T1 mỗi người được hưởng 01 tỷ phần thừa kế là 126m² đất ở có giá trị là 378.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng*).

Chia đất như sau:

6.1 Chia cho ông T: Ông T được quyền sử dụng diện tích đất là tài sản của ông T diện tích 378,013m² và phần di sản thừa kế được hưởng của ông T có diện tích 126 m². Tổng diện tích là 504,013 m². Phần đất của ông T ông đề nghị được chia tách thành hai thửa.

- Thừa thứ nhất: Cạnh phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày, tính từ mốc giáp nhà bà Cạnh đến phần đất dự kiến chia cho bà T1 là 12,4 m; Cạnh phía Bắc giáp ruộng lúa, tính từ mốc giáp nhà bà Cạnh đến phần đất dự kiến chia cho bà T1 là 11,78m; Cạnh phía Đông giáp nhà bà Cạnh dài 21,5m; Cạnh phía Tây giáp đất dự kiến chia cho bà T1 dài 21,0 m. Diện tích là 264.030 m².

- Thừa thứ hai: Cạnh phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày, tính từ mốc giáp đất chia cho ông Lợi đến giáp đất nhà ông Hanh là 12m; Cạnh phía Bắc giáp ruộng lúa, tính từ mốc giáp đất chia cho ông Lợi đến giáp đất nhà ông Hanh là 12m; Cạnh phía Đông giáp đất chia cho ông Lợi 20,0m; Cạnh phía Tây giáp đất nhà ông Hanh dài 20,0 m. Diện tích là 240m². Tổng diện tích của ông T là 504,013m² đất ở.

6.2. Chia cho bà T1 phần đất: Phía Bắc giáp ruộng lúa rộng 6,10m; Phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày rộng 6,10m; Phía Đông giáp đất chia cho ông T dài 21,0m; Phía Tây giáp đất chia cho ông Lợi dài 20,5m. Tổng diện tích là 126m² đất ở.

6.3. Chia cho ông Lợi phần đất: Phía Bắc giáp ruộng lúa rộng 6,24m; Phía Nam giáp mặt đường đê sông Cầu Chày rộng 6,24m; Phía Đông giáp đất chia cho bà T1 dài 20,5m; Phía Tây giáp đất dự kiến chia cho ông T dài 20,0m. Tổng diện tích là 126m² đất ở. *(Có sơ đồ kèm theo)*

Ông T, ông Lợi và bà T1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Chi phí thẩm định, định giá: Bà T1 chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 8.000.000đ *(đã nộp đủ)*.

8. Về án phí:

- Miễn tiền án phí cho ông Lê Đức T.

Ông Lê Đức L và bà Lê Thị T mỗi người phải nộp án phí dân sự giá ngạch là 18.900.000đ.

9. Về quyền kháng cáo: Ông T, bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Ông Lợi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng